TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2286/2021/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 03 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1423/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969

Căn cước công dân số A do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp

Thường trú: phường B, thành phố T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Đoàn T2, sinh năm 1958

Căn cước công dân số C do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn T2 đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số D, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu cấp.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25/11/2021, bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn T2 đã thống nhất như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn T2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung tên Đoàn Nhật Phú T3, sinh ngày 25/11/2001 (đã trưởng thành và đủ khả năng lao động).

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn T2 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn T2 xác định không có.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn T2 chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25/11/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn T2 thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: có 01 con chung tên Đoàn Nhật Phú T3, sinh ngày 25/11/2001 (đã trưởng thành và đủ khả năng lao động).

1.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn T2 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn T2 xác định không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn T2 chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn T2 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0024287 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn T2 đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Toà án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Lệ Thủy